TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST Ngày 26 - 02 - 2026 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Bà Lương Thị Anh Đào.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn S – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 03 và 26 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 350/2025/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2025, Về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2026/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị Bích T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Bị đơn: Bùi Văn V, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Huỳnh Thị Bích T trình bày: Vào năm 2007, chị T và anh V cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến thời

gian gần đây giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và ly thân từ năm 2023 cho đến nay, trong thời gian ly thân thì giữa anh chị cũng không hàn gắn được tình cảm. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nữa cho nên nay chị T yêu cầu:

- Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích T yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn V.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Bùi Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/7/2011 và Bùi Huỳnh Bảo A, sinh ngày 09/6/2015 hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Bùi Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Bích T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bùi Văn V được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh V.

Về nội dung:

[3] Chị Huỳnh Thị Bích T và anh Bùi Văn V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T năm 2007. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Chị T yêu cầu ly hôn với anh V. Trong quá trình giải quyết vụ án anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại 02 lần phiên tòa sơ thẩm anh V cũng không có mặt.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn là anh V đã biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn (niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định), nhưng bị đơn không có ý kiến, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không đến theo giấy triệu tập và văn bản của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Việc khởi kiện yêu cầu ly hôn chị T trình bày vợ chồng đã bất đồng quan điểm và ly thân từ năm 2023 đến nay không hàn gắn được tình cảm. Nay chị T thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T kiên quyết ly hôn, anh V không có ý kiến gì về yêu cầu của chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Bích T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh V có 02 con chung tên: Bùi Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/7/2011 và Bùi Huỳnh Bảo A, sinh ngày 09/6/2015 hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: cháu Bảo N và Bảo A hiện đang sống chung với chị T và có nguyện vọng sống chung với mẹ (chị T) nên giao cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, chị Huỳnh Thị Bích T là người khởi kiện phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng. Anh Bùi Văn V không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Bích T và anh Bùi Văn V được ly hôn.

2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung Bùi Huỳnh Bảo N, sinh ngày 19/7/2011 và Bùi Huỳnh Bảo A, sinh ngày 09/6/2015 cho chị Huỳnh Thị Bích T

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Bùi Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp anh Bùi Văn V lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Huỳnh Thị Bích T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Bùi Văn V.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0006140 ngày 27-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp (Nguyễn Thị N1 Tiền nộp thay). Chị Huỳnh Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Bùi Văn V không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Dung